

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 28- 9 - 2021.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Kim Mến.

Ông Lê Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1996, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 21 ấp Tr, xã Tr1, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lý Phước Th, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/47 Ấp Đ, xã Đ1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về ly hôn ngày 17 tháng 5 năm 2021, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lý Phước Th kết hôn vào năm 2012. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà L và ông T chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2014 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông Th thường nhậu, bạo lực với bà L nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Kể từ đầu năm 2015 bà L và ông Th không còn sống chung cho đến nay. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lý Phước Th.

- Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lý Phước Th có một người con chung tên Lý Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2013. Con chung hiện nay đang sống với ông Th. Bà L đồng ý giao con chung cho ông Th được quyền nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lý Phước Th: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Lý Phước Th theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Th không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2021, con chung từ 07 tuổi trở lên Lý Hoàng Kh trình bày: Nếu cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lý Phước Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Th vẫn vắng mặt không có lý do, bà Lê Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 6 Điều 27; điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L; Về con chung: Giao cho ông Lý Phước Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lý Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2013 đến đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Mỹ L được quyền thăm nom con

chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Phước Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lý Phước Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Th vẫn vắng mặt không có lý do, bà Lê Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội dung:

[2] Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lý Phước Th kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 12/02/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ L và ông Lý Phước Th là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông Th về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 163/TB-TLVA ngày 02/6/2021, nhưng ông Th vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Linh. Bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Th, vì từ năm 2015 đến nay bà L và ông Th không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà L và ông Th không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ L và ông Lý Phước Th không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lê Thị Mỹ L và ông Lý Phước Th có 01 người con là Lý Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2012, hiện nay con chung đang sống với ông Th. Khi ly hôn, bà L đồng ý giao con chung có ông Th được quyền nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Lý Hoàng Kh đang sống với ông Th và tại biên bản xác minh ngày 21/6/2021 cháu Kh có nguyện vọng được sống với cha. Xét nguyện vọng của cháu Kh là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống quen thuộc và cuộc sống hiện tại của cháu Kh, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cho ông Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lý Hoàng Kh đến đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Mỹ L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Phước Th không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008280 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy, bà L đã thực hiện xong.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được quyền ly hôn với ông Lý Phước Th.

- Về con chung: Giao cho ông Lý Phước Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lý Hoàng Kh, sinh ngày 07/02/2013 đến đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Mỹ L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Phước Th không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008280 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy, bà L đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ